**PHỤ LỤC I**

**NHU CẦU BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2027**

*(Kèm theo Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 15 /10/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ NHU CẦU BẢO TRÌ KCHT ĐƯỜNG BỘ**

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT | Đơn vị | Quản lý, vận hành, bảo dưỡng | Sửa chữa định kỳ | | | | Sửa chữa đột | Công tác khác | Tổng nhu cầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng SCĐK | Chuyển tiếp | Ưu tiên 1 | Ưu tiên 2 | | | |
| | | *1* | *2=3+4+5* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8=1+2+6+7* |
| | **TỔNG** | **23.167** | **156.100** | **0** | **118.300** | **37.800** | **0** | **0** | **179.267** |
| 1 | Sở Xây dựng | 23.167 | 156.100 | 0 | 118.300 | 37.800 | 0 | 0 | 179.267 |

**Phụ lục 02**

# NHU CẦU QUẢN LÝ VẬN HÀNH, KHAI THÁC, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ DO SỞ XÂY DỰNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ ĐƯỜNG BỘ NĂM 2027

## Đơn vị: Sở Xây dựng

*(Kèm theo Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 15 /10/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Hạng mục công việc | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Quy mô, giải pháp sửa chữa | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Mức độ ưu tiên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | **Tổng số** | **179.267** | | | | | |
| **A** | **Bảo dưỡng thường xuyên** | **23.167** | | | | | |
| - | Năm 2027 | 23.167 | | | | | |
| **B** | **Sửa chữa định kỳ** | **156.100** | | | | | |
| | Công trình chuyển tiếp | 0 | | | | | |
| | Công trình làm mới | 156.100 | | | | | |
| | *+ Ưu tiên 1* | *118.300* | | | | | |
| | *+ Ưu tiên 2* | *37.800* | | | | | |
| **C** | **Sửa chữa đột xuất** | **0** | | | | | |
| - | Chuyển tiếp | | | | | | |
| | **Chi tiết** | | | | | | |
| **A** | **BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN** | **23.167** | | | | | |
| **I** | **Năm 2027** | **23.167** | | | | | |
| **1** | **Quốc lộ 1B** | **5.096** | Bảo dưỡng thường xuyên | **2.027** | Theo quy định hiện hành | | |
| | BDTX đường | 4.848 | | | | | |
| | BDTX cầu, cống | 248 | | | | | |
| **2** | **Quốc lộ 279** | **5.141** | Bảo dưỡng thường xuyên | **2.027** | Theo quy định hiện hành | | |
| | BDTX đường | 4.896 | | | | | |
| | BDTX cầu, cống | 245 | | | | | |
| **3** | **Quốc lộ 4A** | **2.323** | Bảo dưỡng thường xuyên | **2.027** | Theo quy định hiện hành | | |
| | BDTX đường | 2.086 | | | | | |
| | BDTX cầu, cống | 237 | | | | | |
| **4** | **Quốc lộ 3B** | **2.827** | Bảo dưỡng thường xuyên | **2.027** | Theo quy định | | |

| TT | Hạng mục công việc | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Quy mô, giải pháp sửa chữa | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Mức độ ưu tiên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | BDTX đường | 2.707 | | | Theo quy định hiện hành | | |
| | BDTX cầu, cống | 120 | | | | | |
| **5** | **Quốc lộ 4B** | **4.034** | Bảo dưỡng thường xuyên | **2.027** | Theo quy định hiện hành | | |
| | BDTX đường | 3.483 | | | | | |
| | BDTX cầu, cống | 550 | | | | | |
| **6** | **Quốc lộ 31** | **3.256** | Bảo dưỡng thường xuyên | **2.027** | Theo quy định hiện hành | | |
| | BDTX đường | 2.898 | | | | | |
| | BDTX cầu, cống | 359 | | | | | |
| **7** | **Chi phí khác** | **491** | | | | | |
| **B** | **SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ** | **156.100** | | | | | |
| **I** | **Quốc lộ 1B** | **67.900** | | | | | |
| | **Công trình mới** | **67.900** | | | | | |
| 1 | Sửa chữa cầu Khánh Khê (Km10+690), Quốc lộ 1B | 3.500 | - Sửa chữa khe co giãn, sữa chữa mặt cầu, đường dẫn đầu cầu, sữa chữa các kết cấu và công trình phụ trợ bị hư hỏng;<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, biển báo cầu,…) trong phạm vi cầu và đường dẫn. | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT2 | |
| 2 | Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km10+700 - Km15, Quốc lộ 1B | 13.900 | - Mặt đường: Xử lý các vị trí mặt đường bị rạn nứt, vỡ mặt, hoàn trả bằng BTNC sau đó tiến hành thảm tăng cường trên toàn mặt đường bằng BTN;<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM.<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT1 | |
| 3 | Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km28+00 - Km34+00, Quốc lộ 1B | 17.600 | - Mặt đường: Xử lý các vị trí mặt đường bị rạn nứt, vỡ mặt, hoàn trả bằng BTNC sau đó tiến hành thảm tăng cường trên toàn mặt đường bằng BTN;<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM.<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT2 | |

| TT | Hạng mục công việc | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Quy mô, giải pháp sửa chữa | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Mức độ ưu tiên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 4 | Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km44 -Km51, Quốc lộ 1B | 18.600 | - Mặt đường: Xử lý các vị trí mặt đường bị rạn nứt, vỡ mặt, hoàn trả bằng BTNC sau đó tiến hành thảm tăng cường trên toàn mặt đường bằng BTN;<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM.<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT1 | |
| 5 | Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km57+500 - Km59+200, QL.1B, tỉnh Lạng Sơn | 14.300 | - Mặt đường: Xử lý các vị trí mặt đường bị rạn nứt, vỡ mặt, hoàn trả bằng BTNC sau đó tiến hành thảm tăng cường trên toàn mặt đường bằng BTN;<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM.<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT1 | |
| **II** | **Quốc lộ 4A** | **12.400** | | | | | |
| | **Công trình mới** | **12.400** | | | | | |
| 6 | Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km40-Km43+800, Quốc lộ 4A | 12.400 | - Mặt đường: Xử lý các vị trí mặt đường bị rạn nứt, vỡ mặt, hoàn trả bằng BTNC sau đó tiến hành thảm tăng cường trên toàn mặt đường bằng BTN;<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM.<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT1 | |
| **III** | **Quốc lộ 4B** | **13.500** | | | | | |
| 7 | Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và công trình đoạn Km1+550 - Km3+700, Quốc lộ 4B | 8.500 | - Mặt đường:<br>+ Xử lý vị trí sình lún, cao su: Đào bỏ kết cấu sình lún, hoàn trả bằng vật liệu dạng hạt;<br>+ Các vị trí hư hỏng rạn nứt mai rùa, lún vệt bánh xe: Bóc lớp mặt đường BTN, Bù vênh và hoàn trả lại mặt đường BTN.<br>+ Sau khi xử lý các vị trí sình lún cao su, rạn nứt mai rùa, lún vệt bánh xe tiến hành thảm tăng cường toàn bộ mặt đường BTN;<br>- Hệ thống thoát nước: sửa chữa cửa thu, hố thu nước, rãnh biên, bó vỉa để đảm bảo khả năng thoát nước.<br>- Hệ thống ATGT: Sửa chữa, bổ sung sơn, đinh phản quang, biển báo... | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT1 | Bên trái tuyến QL.4B |

| TT | Hạng mục công việc | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Quy mô, giải pháp sửa chữa | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Mức độ ưu tiên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 8 | Sửa chữa cầu Tà Pheo (Km53+645,50), Quốc lộ 4B | 5.000 | - Cải tạo mở rộng bề rộng mặt cầu, bổ sung khe co giãn, sửa chữa các kết cấu và công trình phụ trợ bị hư hỏng, xuống cấp; | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT1 | |
| **IV** | **Quốc lộ 279** | **40.500** | | | | | |
| | **Công trình mới** | | | | | | |
| 9 | Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km143+00-Km148+00, Quốc lộ 279 | 15.600 | - Mặt đường: Sửa chữa hư hỏng cục bộ, thảm tăng cường mặt đường bằng BTN.<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM.<br>- Công trình ATGT: Bổ sung hoàn chỉnh hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo qui định hiện hành | UT1 | |
| 10 | Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km148+00-Km152+900, Quốc lộ 279 | 15.200 | - Mặt đường: Sửa chữa hư hỏng cục bộ, thảm tăng cường mặt đường bằng BTN.<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM.<br>- Công trình ATGT: Bổ sung hoàn chỉnh hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo qui định hiện hành | UT1 | |
| 11 | Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km190+500-Km190+700 và đoạn Km190+900-Km194, Quốc lộ 279 | 9.700 | - Mặt đường: Xử lý các vị trí mặt đường bị rạn nứt, vỡ mặt, sau đó tiến hành thảm tăng cường trên toàn mặt đường bằng BTN;<br>- Sửa chữa lại hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa hệ thống rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước bằng rãnh hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa rãnh tiến hành gia cố lề đường bằng BTXM;<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, ...) trên đoạn tuyến. | 2027 | Theo qui định hiện hành | UT2 | |
| **V** | **Quốc lộ 31** | **4.400** | | | | | |
| 12 | Sửa chữa cầu Bắc Làng 3 (Km112+100) và cầu Pắc Vằng (Km120+420), Quốc lộ 31 | 4.400 | - Sửa chữa mặt cầu và công trình phụ trợ bị hư hỏng, xuống cấp;<br>- Hoàn thiện hệ thống ATGT (Sơn, đinh phản quang, biển báo cầu,…) trong phạm vi cầu và đường dẫn. | 2027 | Theo quy định hiện hành | UT1 | |
| **VI** | **Quốc lộ 3B** | **17.400** | | | | | |

| TT | Hạng mục công việc | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Quy mô, giải pháp sửa chữa | Thời gian thực hiện | Phương thức thực hiện | Mức độ ưu tiên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 13 | Sửa chữa công trình đoạn Km7+700 - Km8+243; Km8+144 - Km8+260, Quốc Lộ 3B | 1.700 | - Sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước: Đối với đoạn đông dân cư sửa chữa, bổ sung, nâng thành rãnh có nắp đậy bằng BTCT; đoạn ngoài khu dân cư sửa chữa hệ thống rãnh dọc thoát nước hình thang tấm BT lắp ghép. Tại các vị trí sửa chữa tiến hành gia cố lề bằng BTXM | 2027 | Theo qui định hiện hành | UT1 | |
| 14 | Sửa chữa cầu và đường dẫn đầu cầu Thà Trang tại Km39+440, Quốc lộ 3B | 8.700 | - Sửa chữa cải tạo mở rộng phần xe chạy rộng 5,5m; sửa chữa bổ sung khe co giãn, thay thế lan can cầu, sửa chữa đường dẫn đầu cầu, tứ nón cầu, hạng mục thoát nước mặt cầu, đường dẫn. | 2027 | Theo qui định hiện hành | UT1 | |
| 15 | Sửa chữa công trình và đường dẫn cống bản tại Km43+670 và cầu Pắc Sầu tại Km49+870, Quốc lộ 3B | 7.000 | - Phá dỡ cống, cầu cũ. Thay thế bằng cống bản bê tông cốt thép, kếp hợp mở rộng phần mặt xe chạy và điều chỉnh hướng tuyến cải thiện đường cong, vuốt nối đường dẫn đầu cầu, cống | 2027 | Theo qui định hiện hành | UT2 | |